

Bản án số: 141/2019/HS-ST
Ngày: 09/05/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà An Thị Minh Suốt

Ông Lê Gia Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Nghĩa H - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Sen - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 05 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 03 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 04 năm 2019 đối với:

-Bị cáo: Dương Tuấn H, sinh năm 1978 Nơi sinh: Hà Nội

ĐKHKTT: 56 ngõ 3 phố G, phường G, quận B, thành phố H.

Nơi ở (tạm trú): số nhà 2 ngách 79/44/22 đường D, phường Q, quận C, thành phố H.

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12;

**Dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;
Con ông: Dương Văn Hạnh (chết) và bà: Nguyễn Thị Hòa**

Có vợ: Nguyễn Kiều Trang (đã Ly hôn) và 2 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2005).

Tiền án, tiền sự: có 02 Tiền án:

- Bản án số 308/HSST ngày 25+31/12/2002 của TAND quận Ba Đình xử 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 30 tháng về tội Đánh bạc. Bị cáo phải nộp 3.000.000 đồng tiền phạt, 50.000 đồng án phí HSST. (Chưa xóa án tích)

- Bản án số 114 ngày 29/11/2005 của TAND quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội xử phạt 27 tháng tù giam về tội Gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù về tội Đánh bạc tại bản án số 308 nêu trên là 51 tháng tù. (Chưa xóa án tích).

Danh chỉ bản số 530 ngày 18/09/2018 Công an Quận Long Biên lập.

Tạm giam: 05/08/2018 tại Trại giam số 1 Công an Thành phố Hà Nội.

Người bảo chữa cho bị cáo: Luật sư Đỗ Thị Hương – Văn phòng Luật sư Bảo Nhân – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- Bị hại: Anh Lê Mạnh S

Nơi cư trú: 122 N, phường N, quận L, thành phố H. vắng mặt.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1./ Bà Nguyễn Thị N

Nơi cư trú: số 8 ngõ 214 phố HM, phường Q, quận HBT, thành phố H. Vắng mặt

2./ Anh Nguyễn Văn T

Nơi cư trú: Thôn VT, xã LN, huyện VG, tỉnh HY. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Tuấn H là khách hàng thường xuyên thuê xe ô tô của anh Lê Mạnh S, là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái, xe du lịch, địa chỉ: 122 N, phường N, quận L, thành phố H để cho thuê lại kiếm lời. Nhưng do cần tiền chi tiêu nên Hà đã đem xe ô tô thuê của anh S đi cầm cố, sau đó bỏ trốn. Cụ thể như sau:

- Ngày 13/8/2010, Hà đi cùng Trần Đình Vinh, sinh năm: 1984, trú tại: xã Thái Bình, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang – là lái xe thuê cho Hà đến cửa hàng cho thuê xe ô tô của anh S ký hợp đồng thuê 1 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vios màu bạc BKS 30Z-1558 và 1 chiếc xe ô tô nhãn hiệu toyota Vios BKS 30Z-1240, giá thuê mỗi xe là 1.000.000 đồng/ngày/xe, thời hạn thuê 10 ngày. Hà đặt cọc cho anh S 60.000.000 đồng/2 xe kèm theo: 01 bản photocopy giấy phép lái xe của anh Trần Đình Vinh (do thời điểm đó Hà không có giấy phép lái xe ô tô), 01 CMND và 01 sổ hộ khẩu của Hà (bản photocopy). Anh S giao cho Hà đăng ký xe ô tô (bản photo), 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự (bản photo) và 02 giấy đăng kiểm của 02 xe ô tô trên (bản chính).

- Ngày 16/11/2010, Hà đến cửa hàng của anh S thuê tiếp 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu đỏ BKS 31F-0229, giá thuê là 1.000.000 đồng/ngày, thời hạn thuê 10 ngày. Hà đặt cọc cho anh S 20.000.000 đồng. Anh S giao cho Hà đăng ký xe ô tô (bản photo) và 01 giấy đăng kiểm của xe ô tô trên (bản chính).

Sau khi thuê 3 xe ô tô nêu trên, theo Hà khai: Hà cho khách thuê lại 3 xe ô tô với giá 1,2 đến 1,5 triệu đồng/1 ngày/xe, (có ký hợp đồng nhưng do thời gian đã lâu Hà đã làm thất lạc hợp đồng và cũng không nhớ tên tuổi địa chỉ của khách thuê). Khi hết thời hạn thuê xe của anh S, Hà gọi điện cho anh S xin gia hạn thời hạn thuê xe. Hai bên thỏa thuận: Số tiền gia hạn thuê xe được trừ vào tiền đặt cọc (không làm hợp đồng gia hạn). Sau khi khách thuê xe trả 3 xe cho Hà, Hà đem đi cầm cố cho người quen là chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T; Cụ thể :

1- Chị Nguyễn Thị N:

* Xe ô tô nhãn hiệu Vios BKS 30Z-1558:

Ngày 10/01/2011, Hà mang xe ô tô BKS 30Z-1558 cầm cố cho chị Nguyễn Thị N để vay chị N số tiền 400.000.000 đồng. Hà viết giấy vay tiền với nội dung: “Tôi là Dương Tuấn H có vay của chị Nguyễn Thị N số tiền là 400.000.000 đồng. Chị N mượn lại chiếc ô tô, nhãn hiệu Vios, BKS: 30Z-1558. Khi nào anh Hà trả đủ số tiền trên, chị N trả lại xe cho anh Hà”. Hà đưa xe ô tô cùng đăng kiểm xe (bản chính), đăng ký xe (bản photo).

Do không có nhu cầu sử dụng xe ô tô nên chị N đã cho anh Lê Gia Bình, sinh năm: 1962, trú tại: Tân Khang, Nông Cống, Thanh Hoá là em họ của chồng chị mượn xe ô tô trên để đi lại.

* Xe ô tô nhãn hiệu Vios BKS 30Z-1240:

Ngày 12/01/2011, Hà tiếp tục mang xe ô tô BKS 30Z-1240 cầm cố cho chị N để vay số tiền 300.000.000 đồng, Hà viết giấy vay tiền với nội dung: “Tôi là Dương Tuấn H có vay của chị Nguyễn Thị N số tiền là 300.000.000 đồng. Chị N mượn lại chiếc ô tô, nhãn hiệu Toyota Vios, BKS: 30Z-1240. Khi nào anh Hà trả tiền, chị N trả lại xe”. Hà đưa xe ô tô cùng đăng kiểm xe (bản chính), đăng ký xe (bản photo).

Khoảng tháng 03, tháng 4/2011, chị N yêu cầu Hà đến lấy lại xe ô tô và trả tiền cho chị nhưng Hà khất lần không trả tiền cho chị N.

2- Anh Nguyễn Văn T:

* Xe ô tô nhãn hiệu Vios BKS 31F-0229:

Ngày 16/11/2010, Hà đem chiếc xe ô tô Vios BKS 31F-0229 cùng sổ đăng kiểm (bản chính), đăng ký xe (bản photocopy) cầm cố để vay anh T số tiền 280.000.000 đồng, hẹn anh T tết xong sẽ trả tiền và lấy lại xe. Do anh T có nhu cầu sử dụng xe ô tô để đi lại dịp Tết nên đồng ý nhận xe ô tô trên và cho Hà vay 280.000.000 đồng, khi vay không viết giấy biên nhận.

Đối với anh Lê Mạnh S, sau khi cho Hà thuê xe, quá thời hạn đã lâu mà không thấy Hà trả xe và tiền thuê xe nên khoảng tháng 01/2011 anh S đã liên lạc yêu cầu

Hà trả xe nhưng Hà tắt điện thoại, không liên lạc được. Do xe ô tô của anh có đặt định vị nên anh đã xác định được vị trí xe đỗ và đã gửi đơn đến cơ quan điều tra tố giác hành vi của Hà, đồng thời thông báo vị trí xe ô tô để cơ quan điều tra xác minh, thu giữ như nêu trên. Anh S không yêu cầu Hà trả tiền thuê xe còn thiếu.

Ngày 13/7/2011, cơ quan điều tra thông báo chiếc xe ô tô BKS: 30F-0229 anh T đang sử dụng là xe tang vật của vụ án nên anh T đã tự nguyện giao nộp chiếc xe ô tô BKS: 30F-0229 cho Công an quận Long Biên. Anh T đề nghị cơ quan điều tra làm rõ vụ việc liên quan đến Hà và yêu cầu Hà trả cho anh số tiền Hà đã vay của anh là 280.000.000 đồng.

Ngày 14/7/2011, Công an quận Long Biên phối hợp Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh hóa thu giữ chiếc xe ô tô BKS 30Z-1558 của anh Lê Gia Nghị (là anh họ chồng chị N) mượn của chị N, đồng thời thông báo 02 chiếc xe ô tô BKS: 30Z-1240 và chiếc ô tô BKS 30Z-1558 là tang vật của vụ án nên chị N đã tự nguyện giao nộp chiếc xe ô tô trên cho cơ quan công an và yêu cầu Hà trả cho chị số tiền Hà đã vay của chị là 700.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 138 ngày 18/10/2011 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Long Biên, kết luận:

Chiếc xe ô tô Vios màu đỏ BKS 31F-0229 trị giá 510.000.000 đồng.

Chiếc xe ô tô Vios màu bạc BKS 30Z-1558 trị giá 494.200.000 đồng.

Chiếc xe ô tô Vios màu bạc BKS 31Z-1240 trị giá 494.200.000 đồng.

Tổng trị giá 03 chiếc xe ô tô trên là 1.498.400.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 4650/C09-P5 ngày 22/10/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an, kết luận:

Chữ viết, chữ ký đứng tên Dương Tuấn H dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên 02 Hợp đồng cho thuê xe du lịch ngày 13/8/2010, 01 Hợp đồng cho thuê xe du lịch ngày 16/11/2010 so với chữ viết, chữ ký của Dương Tuấn H trên Bản kiểm điểm ngày 10/8/2018 do cùng một người viết và ký ra.

Tại bản Kết luận giám định số 4650/C09-P5 ngày 22/10/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an, kết luận:

Chữ viết, chữ ký đứng tên Dương Tuấn H dưới mục “Người vay” trên 02 giấy vay tiền ngày 10/1/2011, ngày 12/1/2011 so với chữ viết, chữ ký của Dương Tuấn H trên Bản kiểm điểm ngày 10/8/2018 do cùng một người viết và ký ra.

Tại cơ quan điều tra Dương Tuấn H khai nhận như nêu trên và khai: Toàn bộ số tiền vay của chị N và anh T, Hà đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Do không có khả năng trả tiền cho chị N và anh T để lấy 03 xe ô tô về trả cho anh S nên Hà đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú.

* Xác minh nguồn gốc 03 xe ô tô trên:

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu bạc BKS 30Z-1558, SK: 9510882, SM: 146919 đăng ký xe mang tên Vũ Mạnh Quân, sinh năm: 1983, HKTT: Số 417 Trần Quý Cáp, phường Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội. Ngày 15/6/2010, anh Vũ Mạnh Quân ủy quyền cho anh Lê Mạnh S quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô Vios màu bạc BKS 30Z-1558 để cho thuê.

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu bạc BKS 30Z-1240, SK: 9510864, SM: 145459 và xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu đỏ BKS 31F-0229, SK: 9512079, SM: 202910 đăng ký mang tên Trương Thị Thu Hương, HKTT: Số 417 Trần Quý Cáp, phường Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội. Ngày 20/6/2010, chị Trương Thị Thu Hương ủy quyền cho anh Lê Mạnh S quản lý, sử dụng 02 chiếc xe ô tô trên để cho thuê.

Ngày 01/3/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Long Biên, TP H đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 28 trả 03 xe ô tô trên cho chủ sở hữu là anh Vũ Mạnh Quân và chị Trương Thị Thu Hương. Các chủ sở hữu nhận xe, không yêu cầu gì về dân sự. Anh Lê Mạnh S không yêu cầu gì về dân sự.

Đối với chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định khi cho Hà vay và nhận cầm cố xe ô tô, chị N và anh T không biết đó là xe do Hà chiếm đoạt mà có nên cơ quan điều tra không đề cập, xử lý.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thừa nhận việc bị truy tố về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là đúng người, đúng tội, không kêu oan và mong hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

Tòa án đã báo cho người bị hại là anh S và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh T và chị N đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Bị hại là anh Lê Anh S đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật và không yêu cầu bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị N yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 700.000.000đ và anh T đề nghị bị cáo hoàn trả số tiền 28.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội ngồi duy trì công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo bản cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo Hà, xem xét phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị như sau: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 48, Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt: Dương Tuấn H từ 14 đến 15 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo do không có nghề nghiệp ổn định.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Tòa án xem xét giao dịch đối với chị N và anh T là giao dịch dân sự. Đối với bị hại là anh S thì bị cáo có quan hệ làm ăn nhiều năm, do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn, hiện tại cả 3 chiếc ô tô đã thu hồi trao trả bị hại đầy đủ không có yêu cầu gì. Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối

cải để được hưởng điểm s khoản 1 điều 51 Bộ Luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi quyết định tố tụng:

Các hành vi quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan cảnh sát Điều tra và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan T hành tố tụng. Do đó hành vi quyết định của cơ quan T hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai nhân chứng, lời khai bị hại, kết luận định giá tài sản của hội đồng định giá tài sản, vật chứng thu giữ và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đầy đủ cơ sở kết luận Dương Tuấn H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tội và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 điều 140 Bộ luật hình Sự năm 1999 (do thời điểm bị cáo phạm tội năm 2010 Bộ luật hình sự 1999 có hiệu lực quy định điểm a khoản 4 điều 140 có mức án: từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân). Tuy nhiên Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017 thì khoản 4 điều 175 tội danh tương ứng có mức hình phạt: từ 12 năm đến 20 năm. Nên Tòa án áp dụng Bộ luật hình sự 2015 để xét xử bị cáo

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản trị giá 1.498.000.000đ của bị hại, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Nhân thân bị cáo đã có 2 tiền án.

- Bản án số 308/HSST ngày 25+31/12/2002 của TAND quận Ba Đình xử 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 30 tháng về tội Đánh bạc. Bị cáo phải nộp 3.000.000 đồng tiền phạt, 50.000 đồng án phí HSST. (Chưa xóa án tích).

- Bản án số 114 ngày 29/11/2005 của TAND quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội xử phạt 27 tháng tù giam về tội Gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù về tội Đánh bạc tại bản án số 308 nêu trên là 51 tháng tù. (Chưa xóa án tích).

Bị cáo ra tù 02 bản án trên vào ngày 12/12/2008; theo xác minh của Công an quận Long Biên thì bị cáo chưa thi hành xong phần án phí chưa được xóa án, phạm

tội lần này xác định là tái phạm nguy hiểm. Bản thân bị cáo hiện đang bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S Tây điều tra, truy nã về một hành vi phạm tội khác tuy nhiên Công an thị xã S Tây đã có Quyết định đình chỉ điều tra vụ án số 02/CQCSĐT ngày 24/03/2019 và quyết định đình chỉ điều tra bị can số 02/CQCSĐT ngày 24/03/2019.

Bị cáo phạm tội lần này được xác định có tình tiết giảm nhẹ là: thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử làm căn cứ lượng hình và xử bị cáo mức án tù có thời hạn phù hợp cũng đủ giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền do bị cáo không có công việc ổn định.

Số tiền bị cáo đặt khi thuê xe thì giữa bị cáo và bị hại có thỏa thuận trừ vào số tiền thuê xe hết và không cáo yêu cầu gì nên tòa không xét.

Phân trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra bị hại đã được nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu gì khác nên Tòa án không xem xét. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền vay là có căn cứ nên buộc bị cáo phải hoàn trả cho họ như yêu cầu.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1./ Tuyên bố bị cáo Dương Tuấn H phạm tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2./ Áp dụng:

- Khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.
- Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí:

Xử phạt: **Dương Tuấn H** 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn thụ hình kể từ ngày bắt 05/08/2018.

3./ Buộc bị cáo phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Bị cáo Dương Tuấn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 41.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP H;
- PC27 Công an TP H;
- Cục THADS TP H;
- Bị cáo;
- Bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Trung tâm LLTP- Bộ Tư Pháp
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN ĐÌNH T